

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 110/2023-CBTT

Ngày 14 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Tên CTQLQ: CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)
 - Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**
 - Mã chứng khoán: **FUEVFN**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
 - Điện thoại: 08-3825 1488
 - Email: cskh@dragoncapital.com
 - Fax: 08-3825 1477
 - website: <http://dragoncapital.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2022**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 14/03/2023 tại đường dẫn <https://dragoncapital.com.vn/> của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm/Attached documents

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM 



NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH
Giám đốc điều hành nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

PHỤ LỤC XXV

MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÁN NIÊN, NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON
CAPITAL VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Tp HCM, ngày 14 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Năm 2022

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ : **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ :

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động ..

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có) : được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (nếu có) : Danh mục chỉ số **VN DIAMOND** :

Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong FUEVFNND tại ngày 31/12/2022 như sau:



Số thứ tự	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
1	PNJ	16.0
2	FPT	15.8
3	MWG	12.5
4	TCB	8.7
5	REE	8.1
6	ACB	6.9
7	VPB	6.4
8	MBB	6.4
9	GMD	3.6
10	MSB	3.4
11	TPB	2.8
12	VIB	2.5
13	KDH	1.7
14	CTG	1.5
15	OCB	1.3
16	EIB	0.9
17	NLG	0.8
18	DHC	0.2

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

-Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, quỹ ETF VFMVN DIAMOND sẽ không phân phối lợi nhuận.

-Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2021	489,800,000	ccq
Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ	463,900,000	ccq
Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong kỳ	(144,000,000)	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2022	809,700,000	ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo : được đề cập trong Điều lệ được Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2021 triệu tập Lần 2 của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (tên cũ: Quỹ ETF VFMVN DIAMOND) ngày 21/04/2022. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn [Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND \(FUEVFNVD\)- Điều lệ quỹ năm 2022 \(dragoncapital.com.vn\)](http://Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (FUEVFNVD)- Điều lệ quỹ năm 2022 (dragoncapital.com.vn))

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo : Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2021 triệu tập Lần 2 của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (tên cũ: Quỹ ETF VFMVN DIAMOND) ngày 21/04/2022 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2021, ngân sách, kế hoạch hoạt động năm 2022, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn [Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND \(FUEVFNVD\)- Điều lệ quỹ năm 2022 \(dragoncapital.com.vn\)](http://Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (FUEVFNVD)- Điều lệ quỹ năm 2022 (dragoncapital.com.vn))

DCVFMVN DIAMOND (FUEVFNVD)- Biên bản & Nghị quyết Đại hội thường niên năm tài chính 2021- triệu tập lần 2 ngày 21/04/2022 (dragoncapital.com.vn)

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF: Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Điều 79 Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán .

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...)
(không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán);

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau :

Cơ cấu tài sản quỹ	31-12-2022	31-12-2021	31-12-2020
Danh mục chứng khoán	98.7%	99.58%	99.26%
Tài sản khác	1.3%	0.42%	0.74%
Cộng	100.00%	100.00%	100.00%

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau:

Ngành	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Ngân Hàng	42.40%	41.4%	40.8%
Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm	13.60%	14.4%	15.8%
Bán Lẻ	22.70%	27.1%	28.4%
Bất Động Sản	9.40%	5.6%	2.5%
Dịch Vụ Tài Chính	6.20%	8.7%	8.1%
Vận Tải	5.10%	2.7%	3.6%
Vật Liệu	0.00%	0.0%	0.2%
Tiền mặt & Khác	0.70%	0.3%	0.5%
Tổng	100%	100.0%	100.0%

45
CỘNG
HỢP
QUẢN LÝ C
ĐIAGON
VIỆT
T. F

Chỉ tiêu	31/12/22	31/12/21	31/12/20
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	18,083,580,873,093	13,791,745,107,213	5,280,430,128,341
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND)	809,700,000	489,800,000	311,100,000.00
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	22,333.68	28,157.91	16,973.41
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	31,109.56	28,914.11	16,973.41
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	18,802.29	16,585.33	10,767.86
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	22,400	28,050	17,200
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	32,250	28,800	17,200
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	19,100	16,740	10,500
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-20.68%	65.89%	Không áp dụng
2.9.1 Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	-24.54%	38.12%	Không áp dụng

2.9.2 Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	3.85%	27.77%	Không áp dụng
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có	Không có	Không có
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có	Không có	Không có
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	Không có	Không có
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1.09%	1.14%	1.05%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	18.75%	38.99%	14.03%

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau :

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lãi do đánh giá các khoản đầu tư chưa thực hiện	(4,457,346,830,052)
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	154,531,881,648
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu	898,223,454,690
4	Tổng chi phí	(174,782,818,798)
5	Tổng lợi nhuận	(3,579,374,312,512)

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ : không có

- Thời điểm phân chia lợi nhuận : không có

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định :

(i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm)	(3,579,374,312,512)
(ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm)	1,027,700,477,474
(iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm)	

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc :

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác : nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập : Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

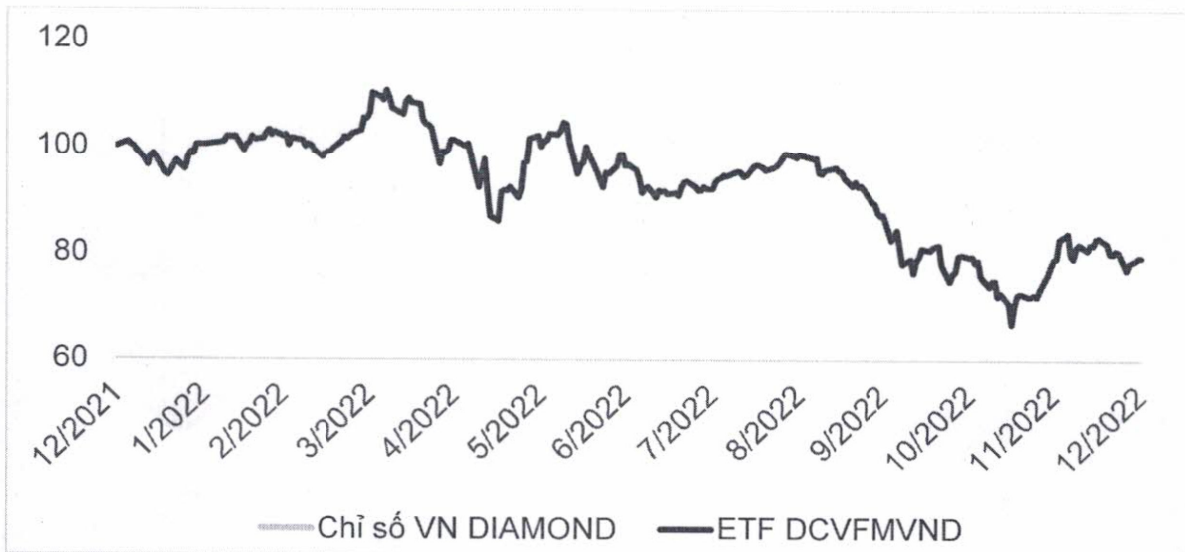
Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau :

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) : không có

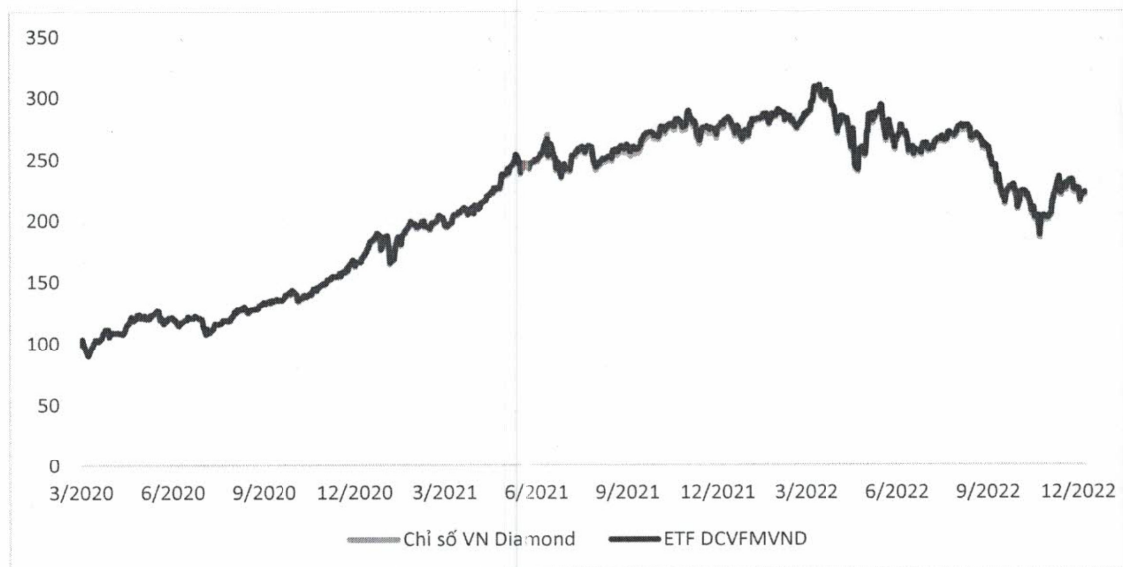
b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ) :

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số VN DIAMOND. Trong kỳ báo cáo, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức khoảng 0.53%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị) :



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị) :



e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ :

Quỹ ETF DCFVMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo :

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2022 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất :

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2022 của Quỹ ETF DCVFMVND là 22,333.68 đồng, giảm khoảng 20.7% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tính tại ngày 31/12/2021, cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu giảm tương ứng 20.5%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản : cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap) :

Trong năm 2022 thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều biến động khi chỉ số VN-Index giảm khoảng 32.8% so với cuối năm 2021. Giá trị chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức giảm 34.5%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức giảm 41.4% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) có mức giảm 51.0%.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có) : không có

l) Các thông tin khác (nếu có).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát :

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Danh mục lưu ký của Quỹ đều được lưu ký tại Ngân hàng giám sát. Trong quá trình giám sát hoạt động của Quỹ, Ngân hàng lưu ký luôn quản lý và lưu ký tách biệt tài sản của từng quỹ; tách biệt tài sản của các quỹ, với tài sản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tách biệt với các tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Mỗi quỹ được mở một tài khoản lưu ký chứng khoán riêng biệt, tách biệt với tài khoản lưu ký chứng khoán của các cá nhân, tổ chức khác, kể cả là của công ty quản lý quỹ.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 Quỹ

đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ/ mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ quỹ: phát hành thêm 463.900.000 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 4.639.000.000.000 đồng.
- Mua lại chứng chỉ quỹ: mua lại 144.000.000 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 1.440.000.000.000 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động	Tỷ lệ so với thu nhập
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	0.00%	0.04%	0.00%
Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ	-0.10%	2.12%	-0.10%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể , hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Stt	Chi tiêu	Số tiền
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66,000,000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ	3,520,673,237

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

Giám đốc điều hành nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư



Nguyễn Minh Đăng Khánh